

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 12-01-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Phạm Công Hạ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy D; địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 09 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Chị Nguyễn Thị P kết hôn với anh Nguyễn Huy D trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương, huyện

Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 11 năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh P đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong lao động làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 1, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và sống ly thân với anh D từ năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn giữa chị P và anh D đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Huy D. Chị và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Huy Đoàn, sinh ngày 27/4/2005 và Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 08/12/2008. Khi ly hôn chị P đồng ý để anh D trực tiếp nuôi hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do chị và anh D tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại Bản tự khai ghi ngày 29 tháng 11 năm 2021 bị đơn anh Nguyễn Huy D trình bày:*

Anh Nguyễn Huy D kết hôn với chị Nguyễn Thị P trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương vào năm 2004. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị P xin ly hôn, anh D thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị P. Anh và chị P có 02 con chung tên Nguyễn Huy Đoàn, sinh ngày 27/4/2005 và Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 08/12/2008. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D. Giao 02 con chung tên Nguyễn Huy Đoàn, sinh ngày 27/4/2005 và Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 08/12/2008 cho anh Nguyễn Huy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến

khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai; Đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ghi ngày 29/12/2021 của anh Nguyễn Huy D; Đơn đề nghị xét nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Huy D có nơi cư trú tại xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Huy D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Huy D.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 11 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị P và anh D đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh D đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Nguyễn Thị P xin ly hôn, anh Nguyễn Huy D thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị P. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Huy D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D có 02 con chung tên Nguyễn Huy Đoàn, sinh ngày 27/4/2005 và Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 08/12/2008. Khi ly hôn anh D xin được trực tiếp nuôi 02 con chung, chị P

đồng ý. Xét 02 con chung hiện đang ăn ở ổn định với anh D và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Các con chung đều có nguyện vọng ở với bố nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Nguyễn Huy Đoàn, sinh ngày 27/4/2005 và Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 08/12/2008 cho anh Nguyễn Huy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Huy Đoàn, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2005 và Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2008 cho anh Nguyễn Huy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Huy D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007640 ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Huy D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Thiên Hương, h.Thủy Nguyên(Giấy chứng nhận kết hôn số 047 ngày 17/11/2004);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hà**

